

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 456/2020/HS-PT

Ngày: 18-8-2020

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Huyền Vân

Bà Phạm Thị Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Nhi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 177/2020/TLPT- HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Hồ Đức T; Trần Đức Th; Trần Văn A do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2020/HS-ST ngày 05 tháng 05 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:**

1. **Hồ Đức T**, sinh năm 1986; tại: NA; giới tính: Nam; nơi cư trú: xóm 6, xã QC, huyện QL, tỉnh NA; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: V Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông HĐN, sinh năm 1949 và NTT, sinh năm 1949; chị ruột: có 02 người, lớn sinh năm 1974, nhỏ sinh năm 1977; tiền sự: không; tiền án: 03 tiền án. Năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh NA xử phạt 12 tháng tù về tội đánh bạc; đã chấp hành xong hình phạt ngày 23/4/2008. Năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh NA xử phạt 12 tháng tù về tội đánh bạc. Năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh NA xử phạt 06 năm tù về tội trộm cắp tài sản; đã chấp hành xong hình phạt ngày 12/5/2016; nhân thân: Năm 2001 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh NA ra quyết định xử phạt hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng (cơ sở 2, Tam Điệp, Ninh Bình) với thời gian là 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản. Năm 2004 bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh NA xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/12/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Luật sư NVS; Công ty Luật VM, thuộc Đoàn luật sư TP.HCM (có mặt).

2. **Trần Đức Th**, sinh ngày 21/3/1983; tại: NA; giới tính: Nam; nơi cư trú: xóm TP, xã NT, huyện NĐ, tỉnh NA; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: V Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông TVN, sinh năm 1942 (chết) và bà ĐTM, sinh năm 1951; A, chị, em ruột: có 06 người, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1991; vợ NTC, sinh năm 1988; con 02 người, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; tiền sự: không; tiền án: 02 tiền án. Năm 2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/5/2008, nhưng chưa nộp tiền án phí. Năm 2012 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/9/2013, nhưng chưa nộp tiền án phí; nhân thân: Năm 2014 bị Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh NA xử phạt 10 tháng tù về tội đánh bạc; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/6/2019.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Luật sư NTT; Văn phòng Luật sư HS, thuộc Đoàn luật sư TPHCM (có mặt).

3. **Trần Văn A** (Cu A), sinh năm 1984; tại: NA; giới tính: Nam; nơi cư trú: thôn ĐN, xã TN, thành phố TK, tỉnh QN; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: buôn bán; quốc tịch: V Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông TMT, sinh năm 1936 và bà NTT, sinh năm 1956; A, chị, em ruột: 05 người, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1987; vợ TTAN, sinh năm 1983, con 01 người sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án 04/3/2011, về tội trộm cắp tài sản. Năm 2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Năm 2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/6/2019.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Luật sư NTKA; Văn phòng Luật sư QD, thuộc Đoàn luật sư TPHCM (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Sáng ngày 04/12/2018, Trần Đức Th điện thoại rủ Hồ Đức T đi tỉnh Vĩnh Long để trộm tài sản của một người buôn dưa; Th nói với T người này giàu lắm, nên T đồng ý. T điện thoại rủ Trần Văn A và A đồng ý. Trên đường đi, T ghé vào một tiệm bán đồ sắt bên đường (không rõ địa chỉ cụ thể) để mua: Một máy cắt sắt,

một tuavít, một cuộn dây điện có gắn sẵn ổ cắm điện, một cây xà ben, một cờ lê (mỏ lếch) và một giỏ xách màu đen đựng các dụng cụ trên. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Đức Th, Hồ Đức T và Trần Văn A đến khu vực thuộc ấp Bình Hòa 1, xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, và đi đến nhà của Nguyễn ThA H và Diệp Văn V. Cả ba chạy xe qua lại khu vực của chị H, A V nhiều lần để quan sát, sau đó đến quán ăn gần đó để ăn cơm và chờ chủ nhà đi khỏi nhà. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, A V và chị H đi ra khỏi nhà. Trước khi đi, A V đã khóa các cửa trong nhà và cổng rào cặp lộ, riêng cửa rào phía sau A V chỉ móc ổ khóa mà không khóa. Khi A V và chị H đi khỏi, T kêu A chạy xe đến trước khu vực cửa nhà để quan sát xem trong nhà còn người không, còn Th chờ T chạy vào một đường hẻm gần nhà chị H, A V, T xuống xe và cầm theo túi xách đựng dụng cụ đã mua trước đó đi vào cửa sau. T điện thoại kêu A bấm chuông ở cổng rào để xem còn người trong nhà không. A đến bấm chuông hai lần nhưng không có ai ra, nên A điện thoại cho T. Khi T đi đến mở cửa rào phía sau, T nhìn thấy có camera nên đã trèo lên hàng rào đẩy camera quay hướng khác. T vào thấy cửa gỗ nhà sau có khoảng hở, nên dùng tay giật mạnh làm cửa bung ra. Do phía trong còn cửa sắt kéo đã khóa, nên T dùng tuavít phá ổ khóa. Khi mở được cửa, T vào trong quan sát thấy có camera quay hướng ra cửa sau, T đến đẩy camera hướng lên trần nhà. T tiến hành tìm kiếm tài sản trong hai phòng ngủ trong nhà hướng từ nhà bếp lên, nhưng không phát hiện được tài sản nào, nên T đã điện thoại cho Th, Th nói nhà này tiền nhiều lắm. T tiếp tục tìm thì phát hiện trong phòng ngủ gần nhà bếp có một két sắt nhỏ. T kéo két sắt đến khu vực trống của nhà bếp, dùng máy cắt để cắt két sắt, khi phá được két sắt T nhìn bên trong không có tài sản gì, nên tiếp tục đến phòng ngủ thứ ba thì thấy một két sắt lớn có bánh xe đẩy. T đẩy két sắt đến khu vực nhà bếp để cắt két sắt. Khi đang cắt thì lưỡi cắt của máy cắt bị gãy, nên T điện thoại cho Th đi mua lưỡi cắt. Lúc này, T dùng cây xà ben cạy cánh cửa két sắt, cạy được một lúc cánh cửa bung ra, T thấy bên trong có rất nhiều tiền, vàng và một con heo bằng nhựa (loại heo dùng bỏ ống). T cho tiền, vàng vào giỏ xách và lấy con dao để trên bếp cắt con heo nhựa và lấy tiền bên trong. T điện thoại cho Th nói khỏi mua lưỡi cắt vì đã cạy được cửa tủ sắt lấy được rất nhiều tiền, vàng và kêu Th rút. T lấy máy cắt bỏ vào túi xách và đi ra để Th chờ đi. Trên đường đi, T đã ném bỏ máy cắt (T không xác định được địa điểm). Khi về đến khu phòng trọ của T thuê tại phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, T, Th và A đã kiểm tra và chia tiền, vàng: Tiền: T lấy 800.000.000đ; Th và A mỗi người lấy 650.000.000đ. Vàng: Do A đem đi bán được số tiền là 690.000.000đ, sau đó chia cho T là 210.000.000đ; Th và A mỗi người là 240.000.000đ. Đối với các một đá màu trắng (hột xoàn) không bán được, nên A đem về giao cho T, nhưng T đã làm mất.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, khi A V, chị H về nhà thì phát hiện tài sản bị mất, nên đã trình báo công an. Theo A V và chị H thì tài sản mất gồm:

- Tiền: 3.340.000.000đ
- Vàng 24k tổng số là 30,5 lượng

- Vàng thẻ SJC tổng số là 10 lượng

- Vàng 18K tổng số là 28,7 lượng

- Vàng Ý có gắn hột xoàn gồm: Một sợi dây chuyền hột xoàn 6,5 ly; một nhẫn hột xoàn 7,2 ly; một nhẫn hột xoàn 6,3 ly; một đôi bông hột xoàn 5,4 ly; một chiếc vòng hột xoàn 6 ly; một lắc hột xoàn 6 ly; một viên hột xoàn 6 ly; một sợi dây chuyền vàng Ý có mặt cây bông nguyên chùm; một chiếc lắc hột xoàn 6 ly; một nhẫn hột xoàn 4 ly; một nhẫn hột xoàn 6 ly; một chiếc nhẫn bi; một đôi bông vàng Ý tròn ten chiếc lá; một đôi bông bi dẹt vắn; hai chiếc lắc nhận xoàn.

Kết luận định giá tài sản số 21/KLĐG.DGTTTHS ngày 14/6/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng giá trị tài sản vàng 24K, 18K và vàng Ý (vàng trắng), hột xoàn là 5.730.920.000đ.

Như vậy, tổng tài sản bị thiệt hại của A V, chị H là 9.070.920.000đ (Chín tỷ không trăm bảy mươi triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng).

Đối với hai kết sắt bị hư hỏng, A V và chị H tự sửa chữa và không yêu cầu bồi thường.

Đối với Hồ Đức T, Trần Đức Th, Trần Văn A sau khi chia tiền đã bỏ trốn. Đến ngày 25/12/2018 T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long bắt. Ngày 17/6/2019, Trần Đức Th, Trần Văn A đã ra đầu thú và bị tạm giam cho đến nay.

Trong quá trình điều tra đã xác định Đặng Văn Đoàn (PH) có tham gia cùng Hồ Đức T, Trần Đức Th, Trần Văn A thực hiện tội phạm, nhưng hiện nay Đặng Văn Đoàn đã bỏ địa pH đi, nên chưa làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long đang tiếp tục làm rõ và xử lý sau.

\* Về vật chứng gồm:

- 01 bìa nhựa màu trắng, đựng trong túi niêm phong mã số NS2A042157;

- 01 miếng nhựa màu trắng trong hộp giấy kiếng đựng trong túi niêm phong mã số NS1A042153;

- 01 ổ điện, chui cắm điện màu trắng và dây điện màu vàng đựng trong túi niêm phong mã số NS2A042153;

- 01 hộp nhựa màu đỏ đựng trong túi niêm phong mã số NS1A042151;

- 01 hộp gỗ màu nâu đựng trong túi niêm phong mã số NS1A042152;

- 04 chìa khóa bằng kim loại đựng trong túi niêm phong mã số NS2A042154;

- 01 con dao bằng kim loại màu trắng đựng trong túi niêm phong mã số PS1A042186;

- 02 đoạn kim loại và 01 cây mỏ lách đựng trong túi niêm phong mã số PS1A042187;

- 01 ổ khóa hiệu MASLCTY bằng kim loại màu trắng;

- 01 điện thoại di động màu đen;
- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 60cm;
- 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính hột màu vàng;

\* Về trách nhiệm dân sự:

- Nguyễn Thị Chon là vợ của Trần Đức Th đã nộp số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 002171 ngày 05/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, để khắc phục hậu quả.

- Trần Thị Thu là chị của Trần Văn A đã nộp số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 002170 ngày 05/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, để khắc phục hậu quả.

Cáo trạng số: 02/CT-VKSVL-P1 ngày 26/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố Hồ Đức T, Trần Đức Th, Trần Văn A về tội: Trộm cắp tài sản; theo điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2020/HS-ST ngày 05 tháng 05 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:*

Tuyên bố bị cáo Hồ Đức T, bị cáo Trần Đức Th và bị cáo Trần Văn A phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hồ Đức T: 18 (mười tám) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/12/2018.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Đức Th: 16 (mười sáu) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/6/2019.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn A: 15 (mười lăm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/6/2019.

Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý đối với Đặng Văn Đoàn theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí

dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/5/2020 các bị cáo Hồ Đức T, Trần Đức Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Trần Văn A kháng cáo đề nghị xem xét lại tội dA cho phù hợp với hành vi của bị cáo.

*Tại phiên tòa:*

Bị cáo Hồ Đức T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mức án đã tuyên là quá cao, bị cáo cũng yêu cầu xem xét lại tội dA của bị cáo Th và A do các bị cáo này chỉ đi theo và được cho tiền nhưng không biết việc bị cáo trộm tài sản của bị hại.

Bị cáo Trần Đức Th thay đổi kháng cáo yêu cầu xem xét lại về tội dA và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Văn A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu xem xét lại tội dA và giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo còn trình bày thêm yêu cầu về xác định giá trị tài sản chiếm đoạt là cao so với thực tế.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo với lý do tài sản bị chiếm đoạt được xác định theo khai báo của bị hại là không khách quan, chưa đúng thực tế; các bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo Th và A đã chủ động đầu thú; các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn và thuộc thành phần gia đình có công. Riêng bị cáo Th và A chỉ đi theo T xuống Vĩnh Long và không biết ý định cũng như hành vi trộm cắp tài sản của bị hại mà T thực hiện, chỉ được T cho tiền nên không đồng phạm về tội Trộm cắp tài sản như án sơ thẩm đã tuyên mà phạm tội khác.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo do cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng, các căn cứ để quy kết hành vi phạm tội của các bị cáo là có cơ sở, đúng người đúng tội, không oan sai. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại mà các bị cáo đã thực hiện có tính đồng phạm, đủ cơ sở để truy tố và xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự. Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và đặc điểm hành vi cụ thể của từng bị cáo đồng thời vận dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để tuyên phạt tương xứng. Các bị cáo kháng cáo nhưng không xuất trình chứng cứ mới, bị cáo Trần Đức Th và Trần Văn A cho rằng bản thân chỉ được Hồ Đức T cho tiền tiêu xài chứ không tham gia vào việc trộm cắp tài sản của bị hại nên yêu cầu xem xét lại tội dA - lý do này là không có cơ sở do quá trình điều tra các bị cáo đã thừa nhận hành vi cố ý cùng nhau thực hiện tội phạm, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ được thu thập hợp pháp. Đối với ý kiến về việc xem xét giá trị các tài sản chiếm đoạt nhận thấy căn cứ trên cơ sở lời khai của bị hại, thừa nhận của các bị cáo và kết quả định giá, cơ quan điều tra đã thông báo cho các bị cáo và các bị cáo đều chấp nhận. Do đã

đủ căn cứ chứng minh về giá trị tài sản bị chiếm đoạt nên đề nghị không chấp nhận ý kiến này của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Qua đối chiếu các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và các giai đoạn tố tụng ở cấp sơ thẩm nhận thấy về thủ tục tố tụng các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định, các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp, đảm bảo tính khách quan.

[2] Xét các bị cáo thừa nhận đã tự nguyện khai báo, không bị ép cung, nhục hình, có Luật sư chứng kiến trong nhiều buổi hỏi cung. Những lời khai của các bị cáo khi đầu thú và trong quá trình điều tra về hành vi cụ thể đều phù hợp với vật chứng đã thu giữ và hình ảnh trích xuất từ camera an ninh, đủ cơ sở kết luận các bị cáo đã cố ý cùng thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của các bị hại vào ngày 04/12/2018 tại nhà bị hại ở ấp BH 1, xã Hp, huyện LH, tỉnh VL. Các bị cáo đã lợi dụng lúc bị hại vắng nhà để lén lút đột nhập vào cạy phá cửa, tủ, kết sắt bằng công cụ đã chuẩn bị sẵn để lấy tài sản. Hành vi có tính đồng phạm trong đó Trần Đức Th là người rủ rê, chỉ điểm và chở Hồ Đức T đến địa điểm gây án; Hồ Đức T là người trực tiếp vào nhà bị hại thực hiện hành vi cạy phá và lấy tài sản; Trần Văn A giúp sức với hành vi nhấn chuông cửa thăm dò để thông báo cho T, vừa làm nhiệm vụ canh giới bên ngoài. Các bị cáo đều được chia tài sản để hưởng lợi ngay sau khi mang được tài sản về nơi trọ của T. Với tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt như kết quả điều tra thể hiện, truy tố và xét xử các bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản “ theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội.

[2.1] Xét kháng cáo của các bị cáo cho rằng chỉ có Hồ Đức T tự thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại, Trần Đức Th và Trần Văn A chỉ đi cùng nhưng không biết ý định và việc làm của T mà chỉ được cho tiền nên phạm tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có “ hoặc “ Che dấu tội phạm “ là không có căn cứ để chấp nhận do lời khai của bị cáo Th và A khi đầu thú ( BL 543, 622, 671, 744 ) cùng các lời khai của hai bị cáo này trong quá trình điều tra ( BL 620, 642 – 644, 734 – 736, 750, 757, 758 ) đều phù hợp với khai nhận của T ( BL 480, 481, 500 – 503, 506, 507, 522, 820 – 826 ) cùng các biên bản nhận dạng, kiểm tra hình ảnh đã đủ cơ sở để xác định về mặt ý thức và hành vi khách quan của các bị cáo ( BL 137, 141, 143, 464 – 467, 486, 487).

[2.2] Đối với yêu cầu xem xét lại giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt xét thấy quá trình điều tra đã tiến hành các thủ tục giám định, định giá tài sản trên cơ sở khai báo của bị hại, thừa nhận của các bị cáo và kết luận định giá tài sản để xác định tổng giá trị tài sản bị thiệt hại, các bị cáo đều đã được công bố nhưng cũng thống nhất không có ý kiến nào khác. Nay lại khai nại nhưng vẫn không có chứng cứ nào khác để chứng minh.

[2.3] Ngoài ra, bị cáo T còn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, các Luật sư cũng yêu cầu xem xét lại tội dA đối với bị cáo Th và A, song xét án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đều đã được vận dụng đầy đủ, hình phạt đã tuyên là tương xứng, các bị cáo không bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Áp dụng:

- điểm a khoản 4 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 và 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Hồ Đức T;

- điểm a khoản 4 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Trần Đức Th;

- điểm a khoản 4 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn A.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt:

Hồ Đức T 18 năm tù;

Trần Đức Th 16 năm tù;

Trần Văn A 15 năm tù;

Cùng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 25/12/2018 đối với T, tính từ ngày 17/6/2019 đối với Th và A.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.



*Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THA DS tỉnh Vĩnh Long;
- TTG Công an tỉnh Vĩnh Long,  
bị cáo;
- Lưu: HS; VP; (HTKN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy Vũ**

